

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy;

Bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 2 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 2 thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đào Minh C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 2 thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu 2 thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, Kinh Môn, Hải Dương vào tháng 3/2009. Sau kết hôn thì vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C chơi bời cờ bạc, rượu chè, không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình cũng như vợ con. Chị đã cùng hai bên gia đình khuyên bảo, nhiều lần những anh C không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2013, không còn quan hệ vợ chồng; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đào Minh C.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu T2, sinh ngày 20/01/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu vẫn ở cùng với chị tại gia đình bố mẹ đẻ của chị ở thị trấn P, Kinh Môn, Hải Dương. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như học tập của cháu ổn định; do cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị nên chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu. Nếu chị được trực tiếp nuôi con chung thì chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của bị đơn:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C; triệu tập anh C đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh C đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Ông Đào Minh Ka (bố đẻ anh C) khai: Anh Đào Minh C hiện đang ở cùng ông tại khu 2, thị trấn M, huyện Kinh Môn. Trong cuộc sống vợ chồng chị C, anh C phát sinh mâu thuẫn có nguyên nhân do anh C mãi chơi bời, không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình dẫn đến việc chị C bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2013 đến nay; bản thân ông cùng gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn.

Vợ chồng chị C, anh C có 01 con chung là cháu T2, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Thư đang ở cùng chị C tại gia đình bố mẹ đẻ ở thị trấn P, Kinh Môn. Hiện nay anh C không có công việc và thu nhập ổn định.

- Bà Nguyễn Thị Thuận (mẹ đẻ chị C) khai: Mâu thuẫn giữa chị C, anh C là do anh C sa đà rượu chè, cờ bạc, không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình. Bản thân bà cũng như cháu Tình rất nhiều lần khuyên bảo anh C nhưng anh C chỉ hứa hẹn, không thay đổi; từ năm 2013 thì chị C cùng con đã bỏ về chung sống cùng vợ chồng bà tại thị trấn M, thị trấn P. Từ thời gian đó cho tới nay thì anh C chỉ thỉnh thoảng quan gia đình tôi để thăm con chung và cho cháu tiền đóng học, chứ không có việc khuyên bảo, động viên vợ quay trở về gia đình tiếp tục chung sống.

Khi vợ chồng cháu sống ly thân năm 2013, chị C cùng con là T2 về gia đình sống tại gia đình bà. Vợ chồng bà tạo điều kiện cho mẹ con chị C về ăn ở, sinh hoạt cũng như giúp đỡ cho cháu về việc trông nom, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C và giải quyết về nuôi con chung.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Minh C. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, sinh ngày 20/01/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đào Minh C hiện đang cư trú, sinh sống tại thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho anh C, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Minh C đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tháng 3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Minh C là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị C, anh C phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện; sống ly thân từ tháng 9/2013. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh C để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu

chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện việc không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh C cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị C xác định vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Đào Minh C là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu T2, sinh ngày 20/01/2010. Hiện nay cháu đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng; chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu Thư cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu này thì thấy: Chị C có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện trong về chỗ ở và giúp đỡ nên đảm bảo điều kiện trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cháu Thư cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Thực tế thì cháu vẫn được chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ năm 2013; việc chăm sóc cũng như học tập đều đảm bảo. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh C không đến Tòa án, không tham gia phiên tòa trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng con chung; thực hiện quyền tranh luận, đối đáp tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cần giao con chung là cháu T2 cho chị C nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đào Minh C.

+ *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T2, sinh ngày 20/01/2010 kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001972 ngày 02/01/2019. Chị T tình đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

- **Nơi nhận:**

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND thị trấn M, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa